

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2021
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mịch S, sinh năm 1995; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Làng G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; cư trú tại: Tổ 22, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mịch S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tây

Ninh ngày 22/11/2013. Anh chị chung sống đến khoảng tháng 02 – 03/2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời và không lao động tạo thu nhập, phát triển kinh tế. Chị và gia đình đã khuyên nhủ, tạo điều kiện cho anh T sửa chữa khuyết điểm nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 02 – 03/2014 đến nay. Trong thời gian này anh T không quan tâm, chăm sóc hay phụ giúp, chia sẻ với chị về kinh tế, nuôi dưỡng con chung. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Nhất P, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 18/10/2013 hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lê Thị Mích S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị S đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mích S đối với anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhất P, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 18/10/2013 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Mích S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị S, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mích S và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 22/11/2013. Chị S và anh T có đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được xác lập đúng pháp luật.

Chị Lê Thị Mích S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T nguyên nhân anh T thường xuyên cờ bạc, không lao động tạo thu nhập phát triển kinh tế, cuộc sống trong gia đình phụ thuộc vào cha mẹ. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo điều kiện cho anh T sửa chữa khuyết điểm nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 02 – 03/2014 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc hay phụ giúp, chia sẻ về kinh tế, nuôi dưỡng con chung.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn; thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Anh T có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Anh Nguyễn Văn T phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ lấy lời khai của người làm chứng xác định trong thời kỳ hôn nhân với chị Lê Thị Mích S, anh Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp, thu nhập để chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau; anh T và chị S không còn chung sống với nhau thời gian dài từ năm 2014 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Nguyễn Văn T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng về việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng không còn chung sống với nhau thời gian dài, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mích S với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Mích S và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Nhất P, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 18/10/2013. Nguyên vọng của cháu P, cháu N muốn được sống với chị S. Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu P, cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và phù hợp với nguyên vọng của các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Nhất P và Nguyễn Lê Phương N cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Lê Thị Mích S không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mích S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Lê Thị Mích S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mích S với anh Nguyễn Văn T.

Chị Lê Thị Mích S và anh Nguyễn Văn T không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Mích S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhất P, sinh ngày 30/10/2012 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 18/10/2013. Ghi nhận chị Lê Thị Mích S không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị Lê Thị Mích S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mích S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mích S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị S đã nộp theo biên lai thu số 0004765 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mích S, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Hải